

BIỂU PHÍ NĂM HỌC 2026-2027

SEDBERGH VIETNAM - BCIS

Ngày hiệu lực: 01/02/2026

01. HỌC PHÍ

- **IGCSE:** Chứng chỉ giáo dục Trung học phổ thông quốc tế dành cho Lớp 9, Lớp 10.
- **A Levels:** Chứng chỉ giáo dục Phổ thông bậc cao của Anh Quốc, dành cho Lớp 11, Lớp 12.

CHƯƠNG TRÌNH SONG NGỮ

Lớp	HỌC PHÍ ƯU ĐÃI			HỌC PHÍ TRỌN NĂM	HỌC PHÍ 2 KỲ	
	Ưu đãi 10%/Học phí trọn năm Thanh toán trước 31/03/2026	Ưu đãi 7%/Học phí trọn năm Thanh toán trước 30/04/2026	Ưu đãi 5%/Học phí trọn năm Thanh toán trước 31/05/2026	Học phí trọn năm (Thanh toán từ 01/06/2026)	Kỳ 01 Thanh toán trước 30/06/2026	Kỳ 02 Thanh toán trước 05/12/2026
1	237.595.000	245.514.000	250.794.000	263.994.000	141.237.000	141.237.000
2	249.372.000	257.684.000	263.226.000	277.080.000	148.238.000	148.238.000
3	249.372.000	257.684.000	263.226.000	277.080.000	148.238.000	148.238.000
4	267.574.000	276.493.000	282.439.000	297.304.000	159.058.000	159.058.000
5	267.574.000	276.493.000	282.439.000	297.304.000	159.058.000	159.058.000
6	272.769.000	281.862.000	287.923.000	303.077.000	162.146.000	162.146.000
7	302.339.000	312.417.000	319.135.000	335.932.000	179.724.000	179.724.000
8	302.339.000	312.417.000	319.135.000	335.932.000	179.724.000	179.724.000
9	321.985.000	332.718.000	339.873.000	357.761.000	191.402.000	191.402.000
10	341.533.000	352.917.000	360.507.000	379.481.000	203.022.000	203.022.000
11	341.533.000	352.917.000	360.507.000	379.481.000	203.022.000	203.022.000
12	341.533.000	352.917.000	360.507.000	379.481.000	203.022.000	203.022.000

CHƯƠNG TRÌNH ĐƠN NGỮ

6	403.941.000	417.405.000	426.382.000	448.823.000	240.120.000	240.120.000
7	435.574.000	450.093.000	459.772.000	483.971.000	258.924.000	258.924.000
8	435.574.000	450.093.000	459.772.000	483.971.000	258.924.000	258.924.000
9 IGCSE	475.773.000	491.632.000	502.205.000	528.637.000	282.821.000	282.821.000
10 IGCSE	475.773.000	491.632.000	502.205.000	528.637.000	282.821.000	282.821.000
11 A Levels	515.876.000	533.071.000	544.535.000	573.195.000	306.659.000	306.659.000
12A Levels	515.876.000	533.071.000	544.535.000	573.195.000	306.659.000	306.659.000
NCUK	377.100.000	389.670.000	398.050.000	419.000.000	224.165.000	224.165.000

Học phí đã bao gồm:

- Sách giáo khoa chương trình MOET và tập vở
- Bảo hiểm tai nạn học sinh
- Câu lạc bộ (Khối Tiểu học) hoặc Chương trình phát triển kỹ năng (Khối Trung học)

Biểu phí chưa bao gồm:

- Đồng phục
- Phí sách giáo khoa Cambridge

	Phí sách & tài liệu Cambridge/năm (dự kiến)	Lệ phí thi Cambridge Quốc tế (dự kiến)
Khối 1-5	4 triệu	2.5 triệu (K5)
Khối 6-8	4 triệu	3.6 triệu (K8)
Khối 9-10	5-7 triệu	20-25 triệu (K10)
Khối 11-12	10 triệu	24-35 triệu (K12)

Lưu ý:

- Đối với hình thức thanh toán 2 kỳ, Quý phụ huynh vui lòng thanh toán thêm 30.000.000VNĐ/phí giữ suất học cùng với học phí Kỳ 01, và sẽ được căn trừ vào học phí Kỳ 02 nếu tiếp tục học và thanh toán học phí học Kỳ 02.

02. MỨC HỌC PHÍ ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP NHẬP HỌC SAU NGÀY KHAI GIẢNG

Thời điểm nhập học	Tỷ lệ thanh toán (theo mức học phí trọn năm)	Thời điểm nhập học	Tỷ lệ thanh toán (theo mức học phí trọn năm)
Tháng 8 - Tháng 9/2026	100%	Tháng 01 - Tháng 02/2027	50%
Tháng 10/2026	90%	Tháng 03/2027	40%
Tháng 11/2026	80%	Tháng 04/2027	30%
Tháng 12/2026	70%	Tháng 05/2027	20%

03. ƯU ĐÃI HỌC PHÍ CHO ANH CHỊ EM RUỘT

- Con thứ 2: giảm (thêm) 10% học phí phải thanh toán tính tại thời điểm nhà trường nhận được đầy đủ học phí (học phí đã tính chiết khấu thanh toán).
- Từ con thứ 3 trở đi: giảm (thêm) 15% học phí phải thanh toán tính tại thời điểm nhà trường nhận được đầy đủ học phí (học phí đã tính chiết khấu thanh toán).